

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-ST
Ngày 17-10-2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán dầu diesel và vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Ông Hoàng Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2018/TLST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán dầu diesel và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2018/QĐXXST-DS ngày 06-9-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, cùng địa chỉ: Số 254, đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đều có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Q (C), địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28-6-2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên*

tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông Trần Q (Tên thường gọi: C) là chủ của tàu cá QNg 972xx TS và QNg 972xx TS đã nhiều lần mua dầu diesel của ông, bà để đánh bắt hải sản ngoài biển. Qua nhiều lần mua dầu, ông Q có lúc thanh toán đủ, có lúc nợ lại tiền. Tổng cộng số tiền mà ông Q ký giấy xác nhận nợ với ông, bà là: 339.380.000 đồng + 700.000 đồng = 340.080.000 đồng. Tại phiên tòa, ông, bà xác định trong số tiền trên, cá nhân ông Q nợ tiền mua dầu và tiền vay là 192.250.000 đồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q trả cho ông, bà số tiền 192.250.000 đồng, ông, bà rút yêu cầu đối với số tiền 147.830.000 đồng, ông, bà sẽ khởi kiện sau. Ông, bà tự nguyện chịu 1/3 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Bị đơn ông Trần Q (C) trình bày: Ông xác nhận là có nợ tiền mua dầu và tiền vay của ông C, bà L với số tiền 192.250.000 đồng. Còn khoản nợ 147.830.000 đồng là khoản nợ của ông Nguyễn C, ông không có nghĩa vụ phải trả khoản tiền này. Nay ông C, bà L yêu cầu ông trả số tiền 192.250.000 đồng, rút yêu cầu về khoản tiền 147.830.000 đồng, ông đồng ý. Ông C, bà L tự nguyện chịu cho ông 1/3 tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông đồng ý chịu 2/3 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông C, bà L rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 147.830.000 đồng. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện 147.830.000 đồng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông C, bà L yêu cầu ông Q trả số tiền 192.250.000 đồng, ông Q đồng ý, Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm 9.612.500 đồng (5% của 192.250.000 đồng), ông C, bà L tự nguyện chịu 1/3 (3.204.166 đồng), ông Q đồng ý chịu 2/3 (6.408.334 đồng) nên Hội đồng xét xử công nhận.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí còn lại cho ông C, bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 144, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 430, 440, 463, 466, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Q (C), cụ thể như sau:

- Ông Trần Q (C) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L số tiền 192.250.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);

- Ông C, bà L chịu 3.204.166 đồng (Ba triệu hai trăm lẻ bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Q chịu 6.408.334 đồng (Sáu triệu bốn trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Trần Q (C) trả số tiền 147.830.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

4. Số tiền án phí ông C, bà L chịu được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0003448 ngày 12-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L số tiền chênh lệch là 5.297.834 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh

